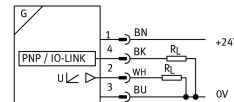


Cảm biến vị trí SDAT-MHS-M80-1L-SV-E-0.3-M8

Số bộ phận: 8115395

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Thiết kế	cho khe chữ T
Giấy phép	Dấu RCM c UL us - Listed (OL)
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị EMC của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK cho EMV
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS không chứa halogen
Lưu ý áp dụng	https://www.festo.com/Drive-Sensor-Overview
Kích thước đo	Vị trí
Nguyên tắc đo lường	buồng từ
Phạm vi phát hiện	0 mm...80 mm
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-25 °C...70 °C
Khoảng thời gian quét thông thường	1 ms
Tốc độ di chuyển tối đa	3 m/s
Độ phân giải đường	0.05 mm
Độ chính xác lặp lại	0.1 mm
Đầu ra chuyển mạch	PNP
Chức năng phần tử chuyển mạch	Cơ cấu mở/đóng có thể chuyển đổi
Thời gian bật	2 ms
Thời gian tắt	2 ms
Tần số chuyển mạch tối đa	1 kHz
Dòng điện đầu ra tối đa	100 mA
Hiệu suất chuyển mạch tối đa DC	2.7 W
Sụt áp	2.5 V
Đầu ra tương tự	0 - 10 V
Độ nhạy	0.113 V/mm
Sai số tuyến tính loại	±0,25 mm
Trở kháng tải tối thiểu đầu ra điện áp	20 kOhm
Chống chịu ngắn mạch	có
Khả năng chống quá tải	có sẵn
Giao thức	I-Port Kết nối IO-Link

Đặc tính	Giá trị
IO-Link, phiên bản giao thức	Thiết bị V 1.1
Liên kết IO, hồ sơ	Cấu hình cảm biến thông minh
IO-Link, các lớp chức năng	Kênh dữ liệu nhị phân (BDC) Biến dữ liệu quy trình (PDV) Nhận diện Chẩn đoán Kênh dạy
IO-Link, Communication mode	COM3 (230,4 kBaud)
IO-Link, hỗ trợ chế độ SIO	Có
IO-Link, Port class	A
IO-Link, xử lý độ rộng dữ liệu IN	2 Byte
IO-Link, nội dung dữ liệu quá trình IN	12 bit PDV (giá trị đo vị trí) 4 bit BDC (Giám sát vị trí)
IO-Link, thời gian chu kỳ tối thiểu	1 ms
Dải điện áp hoạt động DC	15 V...30 V
Dao động	10 %
Chống phân cực	cho tất cả các kết nối điện
Cổng nối điện 1, kiểu kết nối	Cáp có giắc cắm
Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối	M8x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-104
Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây	4
Cổng nối điện 1, kiểu gắn	Khóa vít
Hướng ra cổng nối	đọc theo
Vật liệu các tiếp điểm phích cắm	Hợp kim đồng mạ vàng
Đồng điều kiện kiểm tra	Độ bền môi khí uốn: theo tiêu chuẩn Festo Độ bền xoắn: > 300 000 chu kỳ, ± 270°/ 0,1 m Máng xích: > 5 triệu chu kỳ, bán kính uốn 28 mm
Chiều dài cáp	0.3 m
Đặc điểm dây dẫn	độ phù hợp của máng xích/phù hợp với rô-bốt
Màu vỏ cáp	xám
Vật liệu vỏ bọc cáp	TPE-U(PUR)
Kiểu gắn	vặn chặt có thể lắp vào rãnh từ phía trên
Vị trí lắp đặt	bất kì
trọng lượng sản phẩm	23 g
Vật liệu vỏ	Đồng thau, mạ niken PA gia cố Polyester thép hợp kim cao không gỉ
Vật liệu đai ốc ren	Đồng thau mạ niken
Vật liệu màng	Polyester
Chỉ báo sẵn sàng	LED xanh lá
Hiển thị trạng thái chuyển mạch	Đèn LED màu vàng
Chỉ báo trạng thái	LED đỏ
Các tùy chọn cài đặt	Liên kết IO Nút
Nhiệt độ môi trường xung quanh với định tuyến cáp linh hoạt	-20 °C...70 °C
Mức độ bảo vệ	IP65 IP68
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B2-L
Tính phù hợp để sản xuất pin Li-ion	Các kim loại có hơn 1% đồng, kẽm hoặc niken không được phép sử dụng. Các trường hợp ngoại lệ là niken trong thép, bề mặt mạ niken hóa học, bảng mạch, dây dẫn, bộ kết nối điện và cuộn dây
Loại phòng sạch	Loại 4 theo ISO 14644-1